

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 37/2024/KDTM-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn - Bà Phan Thị Yên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2024/TLST-KDTM, ngày 04 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 631/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 16 tháng 8 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 608/2024/QĐST-KDTM, ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Địa chỉ trụ sở chính: phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu H - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn T - Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S, chi nhánh A1. Văn bản ủy quyền số 406.1/2023/VBUQ-SHB ngày 19/7/2023.

Người đại diện theo ủy quyền lại theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2024: Ông Huỳnh Mạnh C - Trưởng phòng khách hàng cá nhân; Ông Lê Hoàng M - Nhân viên quan hệ khách hàng cá nhân; Ông Châu Thanh T1 - Tổ trưởng tổ xử lý nợ; Ông Trương Văn H1 - Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt.

2. Bị đơn: 2.1. Ông Nguyễn Minh C1, sinh năm 1982. Vắng mặt.

2.2. Bà Lê Thị Thanh H2, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Thanh B, sinh năm 1982. Nơi đăng ký cư trú: Khóm M, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: khóm Đ, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.2. Bà Mai Ngọc N, sinh năm 1981. Nơi đăng ký cư trú: Khóm M, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: khóm Đ, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.3. Anh Trần Mai Bình Đ, sinh năm 2004. Nơi đăng ký cư trú: khóm M, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: khóm Đ, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3.4. Em Trần Mai Bình A, sinh năm 2012. Nơi đăng ký cư trú: Khóm M, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: khóm Đ, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của em Trần Mai Bình A: Ông Trần Thanh B và bà Mai Ngọc N. Là cha, mẹ ruột của em A. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình tố tụng ông Huỳnh Mạnh C đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/3/2023 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng) và ông Nguyễn Minh C1, bà Lê Thị Thanh H2 thỏa thuận ký kết hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 050/2023/HDHM-CN/SHB.130700. Theo đó, Ngân hàng cho ông C1 và bà H2 vay tổng số tiền 8.500.000.000 đồng, thời hạn vay của mỗi khoản vay không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ; mục đích vay bổ sung vốn lưu động mua bán lúa gạo (giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 52A8031358 tên chủ hộ kinh doanh Lê Thị Thanh H2); lãi suất cho vay trong hạn quy định cụ thể từng khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150%/lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm; phương thức thanh toán nợ gốc cuối kỳ; lãi trả hàng tháng vào ngày 25. Ông C1, bà H2 đã nhận đủ số tiền 8.500.000.000 đồng do Ngân hàng giải ngân theo các khế ước nhận nợ sau: **1.** Khế ước nhận nợ số 08-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 30/6/2023 vay 1.000.000.000 đồng; **2.** Khế ước nhận nợ số 09-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 18/7/2023 vay 1.000.000.000 đồng; **3.** Khế ước nhận nợ số 10-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 20/7/2023 vay 1.000.000.000 đồng; **4.** Khế ước nhận nợ số 11-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 24/7/2023 vay 1.000.000.000 đồng; **5.** Khế ước nhận nợ số 12-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 23/8/2023 vay 700.000.000 đồng; **6.** Khế ước nhận nợ số 13-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 22/9/2023 vay 600.000.000 đồng; **7.** Khế ước nhận nợ số 14 -050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 02/10/2023 vay 900.000.000 đồng; **8.** Khế ước nhận nợ số 15-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700

ngày 04/10/2023 vay 900.000.000 đồng; **9.** Khế ước nhận nợ số 16-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 06/10/2023 vay 910.000.000 đồng; **10.** Khế ước nhận nợ số 17-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 09/10/2023 vay 900.000.000 đồng.

Để bảo đảm thanh toán cho các khoản vay trên, ông C1 và bà H2 thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo các hợp đồng thế chấp: **1.** Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 178/2021/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 22/7/2021; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-178/2021/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 19/4/2022 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL02-178/2021/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 34, diện tích 90m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS17146, ngày 27/5/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp mang tên Nguyễn Minh T2, Trần Thị T3. Tài sản thế chấp được Văn phòng Đăng ký Đất đai, chi nhánh Long Xuyên chỉnh lý biến động cập nhật tại trang 3 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh C1, bà Lê Thị Thanh H2 theo hồ sơ số 6766/21, ngày 24/6/2021. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng Công chứng chứng nhận ngày 22/7/2021 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên ngày 22/7/2021; **2.** Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 129/2022/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 08/8/2022; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-129/2022/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 103, tờ bản đồ số 34, diện tích 90m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH17632 ngày 18/02/2022 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp mang tên Đỗ Thị N1, Phan Văn T. Tài sản thế chấp được Văn phòng Đăng ký đất đai, chi nhánh Long Xuyên chỉnh lý biến động cập nhật tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh C1, bà Lê Thị Thanh H2 theo hồ sơ số 7649/22, ngày 30/6/2022. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng Công Chứng chứng nhận ngày 08/8/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Long Xuyên ngày 08/8/2022; **3.** Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 036/2023/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản khác gắn liền với đất là căn nhà thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 57, diện tích 96,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS18060 ngày 14/9/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp mang tên Nguyễn Minh C1, Lê Thị Thanh H2. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng Công Chứng chứng nhận ngày 10/3/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký Đất Đai chi nhánh

Long Xuyên ngày 10/3/2023. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Minh C1 và bà Lê Thị Thanh H2.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C1, bà H2 không thanh toán theo thỏa thuận nên Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ của ông C1, bà H2 sang nợ quá hạn. Tạm tính đến hết ngày 25/9/2024 ông C1 và bà H2 còn nợ Ngân hàng 9.564.651.376 đồng. Trong đó: Nợ gốc 8.500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 811.334.397 đồng; nợ lãi chậm trả gốc 241.546.524 đồng; nợ lãi chậm trả lãi 11.770.455 đồng. Do ông C1, bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông C1 và bà H2 liên đới nghĩa vụ trả Ngân hàng nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 25/9/2024 là 9.564.651.376 đồng. Yêu cầu ông C1, bà H2 tiếp tục chịu lãi, lãi phạt theo hợp đồng tín dụng và theo quy định pháp luật phát sinh từ ngày 26/9/2024 đến khi ông C1, bà H2 thanh toán toàn bộ khoản vay, nếu ông C1 và bà H2 không thực hiện trả hết nợ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

** Quá trình tố tụng ông Nguyễn Minh C1, bà Lê Thị Thanh H2 là bị đơn; ông Trần Thanh B, bà Mai Ngọc N và em Trần Mai Bình A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh Trần Mai Bình Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Do ông Trần Thanh B và bà Mai Ngọc N (cha mẹ ruột của anh Đ) thuê nhà của ông C1, bà H2 để ở cùng với 02 con (là anh và Trần Mai Bình A), nên Tòa án đưa ông B, bà N cùng anh em vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tôi (Đ) xác định tài sản đang thế chấp cho Ngân hàng là tài sản của ông C1, bà H2. Việc ngân hàng khởi kiện ông C1, bà H2 không ảnh hưởng đến quyền lợi của tôi nên tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ kiện này.*

* Đại diện Viện kiểm sát Tp.Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thủ tục tố tụng đạt thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS về xét xử vụ án.

* Ý kiến về nội dung vụ án, đề nghị: Áp dụng Điều 119, 299, 323, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Buộc ông Nguyễn Minh C1, bà Lê Thị Thanh H2 trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2024,

ông Nguyễn Minh C1 và bà Lê Thị Thanh H2 còn nợ ngân hàng tổng số tiền 9.564.651.376 đồng. Tiếp tục thanh toán lãi phát sinh trên các hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Minh C1, bà Lê Thị Thanh H2 không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 178/2021/HĐTC- CN/SHB.130700 ngày 22/7/2021, Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-178/2021/HĐTC- CN/SHB.130700 ngày 19/4/2022 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL02-178/2021/HĐTC- CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 129/2022/HĐTC- CN/SHB.130700 ngày 08/8/2022; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-129/2022/HĐTC- CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 036/2023/HĐTC- CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023 được ký kết giữa Ngân hàng và ông C1, bà H2 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để Ngân hàng thu hồi nợ thì ông C1, bà H2 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Minh C1 và bà Lê Thị Thanh H2. Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận, nên thuộc tranh chấp về kinh doanh thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại tiểu mục 14.1 Điều 14 của hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 050/2023/HDHM- CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023 nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận trường hợp xảy ra tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng mà không tự thương lượng được thì được quyền lựa chọn áp dụng các biện pháp giải quyết phù hợp quy định pháp luật để giải quyết tranh chấp.

Theo Phiếu yêu cầu xác minh tại Công an phường M ngày 01/8/2024 thể hiện Nguyễn Minh C1, sinh năm 1982; Lê Thị Thanh H2, sinh năm 1980 có đăng ký thường trú tại khóm Đ, phường M, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông C1 và bà H2 là bị đơn; ông B và bà N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Xét thấy Tòa án đã thu thập, thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định nên việc vắng mặt của bị đơn, người liên quan không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng tín dụng: Ngày 10/3/2023 Ngân hàng và ông C1, bà H2 ký kết hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 050/2023/HDHM-CN/SHB.130700. Theo đó, Ngân hàng cho ông C1 và bà H2 vay 8.500.000.000 đồng và đã giải ngân cho ông C1 và bà H2 đủ số tiền trên theo các khế ước nhận nợ số 08-50/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 30/6/2023; số 09-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 18/7/2023; số 10-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 20/7/2023; số 11-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 24/7/2023; số 12-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 23/8/2023; số 13-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 22/9/2023; số 14-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 02/10/2023; số 15-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 04/10/2023; số 16-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 06/10/2023; số 17-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 09/10/2023.

[2.2]. Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ, ông C1 và bà H2 ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 178/2021/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 22/7/2021; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-178/2021/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 19/4/2022 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL02-178/2021/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 129/2022/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 08/8/2022; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-129/2022/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 036/2023/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bên thế chấp là ông C1 và bà H2. Các hợp đồng thế chấp trên có công chứng và đăng ký thế chấp đúng quy định.

[2.3]. Thực hiện hợp đồng tín dụng, ông C1 và bà H2 không trả vốn, lãi theo thỏa thuận hợp đồng, mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu tất toán nợ. Do ông C1 và bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông C1, bà H2 liên đới chịu trách nhiệm trả tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 25/9/2024 là 9.564.651.376 đồng. Yêu cầu ông C1, bà H2 tiếp tục chịu lãi, lãi phạt theo hợp đồng tín dụng và theo quy định pháp luật phát sinh từ ngày 26/9/2024 đến khi ông C1, bà H2 thanh toán toàn bộ

khoản vay, nếu ông C1 và bà H2 không thực hiện trả hết nợ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ.

[2.4]. Đối với việc phát sinh người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tài sản thế chấp là ông B, bà N, anh Đ và A. Do đây là giao dịch được xác lập giữa bị đơn và người liên quan, khi thực hiện các bên không thông tin và được sự thống nhất của Ngân hàng nên Ngân hàng không đồng ý. Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp mà ông C1 và bà H2 đã ký kết với Ngân hàng.

[2.5]. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như trình bày trên và xác định tài sản thế chấp không thay đổi, phát sinh so với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

[2.6]. Quá trình tố tụng ông C1, bà H2, ông B, bà N vắng mặt không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông C1 và bà H2, ông B và bà N vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là bị đơn, người liên quan đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của chính các đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70; Điều 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải không có lý do, Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết, tổng đạt Thông báo về kết quả phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự vắng mặt để các ông bà thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định nhưng ông C1, bà H2, ông B, bà N vẫn không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khi giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các hợp đồng cấp hạn mức vay vốn số 050/2023/HDHM-CN/SHB.130700; các khế ước nhận nợ số 08-50/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 30/6/2023; số 09-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 18/7/2023; số 10-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 20/7/2023; số 11-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 24/7/2023; số 12-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 23/8/2023; số 13-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 22/9/2023; số 14-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 02/10/2023; số 15-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 04/10/2023; số 16-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 06/10/2023; số 17-050/2023/HDHM-CN/SHB.130700 ngày 09/10/2023 và các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 178/2021/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 22/7/2021; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

PL01-178/2021/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 19/4/2022; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL02-178/2021/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 129/2022/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 08/8/2022; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-129/2022/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 036/2023/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023 có công chứng và đăng ký thế chấp đúng quy định để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Nguyễn Minh C1 và bà Lê Thị Thanh H2.

[4]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã tạm nộp 2.000.000 đồng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền thực chi 1.000.000 đồng, đã hoàn lại Ngân hàng 1.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên ông C1 và bà H2 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả Ngân hàng 1.000.000 đồng.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Đ1 và bà N1 liên đới chịu án phí theo quy định. Ngân hàng được nhận lại 58.534.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với ông Nguyễn Minh C1 và bà Lê Thị Thanh H2.

Buộc ông Nguyễn Minh C1 và bà Lê Thị Thanh H2 liên đới nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 25/9/2024 là 9.564.651.376đ (Chín tỷ năm trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi một nghìn ba trăm bảy mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 25/9/2024 (ngày 26/9/2024) ông ông Nguyễn Minh C1 và bà Lê Thị Thanh H2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Minh C1 và bà Lê Thị Thanh H2 vay phải tiếp tục thanh toán

cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Minh C1 và bà Lê Thị Thanh H2 không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 178/2021/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 22/7/2021; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-178/2021/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 19/4/2022; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL02-178/2021/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 129/2022/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 08/8/2022; Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số PL01-129/2022/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 036/2023/HĐTC-CN/SHB.130700 ngày 10/3/2023 để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Ngân hàng Thương mại cổ phần S thu hồi nợ thì ông Nguyễn Minh C1 và bà Lê Thị Thanh H2 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Minh C1 và bà Lê Thị Thanh H2 liên đới hoàn lại Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 1.000.000đ (Một triệu) đồng.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh C1 và bà Lê Thị Thanh H2 liên đới nghĩa vụ chịu 117.565.000đ (Một trăm mười bảy triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại 58.534.000đ (Năm mươi tám triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002178, ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa